

Bản án số: 319/2020/HSPT

Ngày 15 tháng 6 năm 2020

“ Trần Hữu N

Giết người, cướp tài sản ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Hoàng Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh C xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 63/2020/TLPT-HS ngày 07 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo Trần Hữu N do bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2019/HS-ST ngày 26/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh C.

Bị cáo có kháng cáo: Trần Hữu N (Tên gọi khác: Sơn L), sinh năm 1987 tại tỉnh C; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp Kinh Hòn, xã Khánh Bình Tây, huyện T, tỉnh C; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Trần Văn Đức và bà Võ Thị Lâu; Vợ 1: Ngô Hồng Nhi, có 01 con sinh năm 2009, vợ 2: Huỳnh Thị Thanh Bình, có 01 con sinh năm 2013; Tiền án: Bản án số 38/2006/HS-ST ngày 16/6/2006 của Tòa án nhân dân huyện T phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/01/2007, chấp hành xong phần dân sự ngày 27/8/2007; Tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định số 15/QĐ-UB ngày 08/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, Bản án số 33/2015/HSST ngày 25/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh B phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/02/2016, Quyết định số 02/2019/QĐ-TA ngày 14/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 tháng; Bị bắt theo Lệnh truy nã từ ngày 11/4/2019 chuyển sang tạm giam từ ngày 20/4/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Ngô Ngọc Thành – Văn phòng luật sư Huỳnh Quốc thuộc Đoàn luật sư tỉnh C – Có mặt.

Người bị hại: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1992 (chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo: Anh Nguyễn Văn N¹ (Nguyễn Thanh N¹), sinh năm 1976 là chồng của bị hại; Địa chỉ: Ấp Kinh Hòn, xã Khánh Bình Tây, huyện T, tỉnh C – Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại còn có ông Trần Văn C và bà Phạm Ngọc A là cha mẹ đẻ của người bị hại, không kháng cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1941 – Có mặt;

Địa chỉ: Ấp Thị Tường B, xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh C.

- Bà Võ Thị L¹, sinh năm 1958 – Có mặt;

Trú ấp Kinh Hòn, xã Khánh Bình Tây, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng chị Trần Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn N¹ mở quán ăn uống ở ấp Kinh Hòn, xã Khánh Bình Tây, huyện T, tỉnh C. Bị cáo Trần Hữu N ngụ cùng ấp và thường xuyên đến quán của chị H, anh N¹ để ăn uống.

Khoảng 10 giờ ngày 30/8/2009, N đến quán uống cà phê. Lúc này chỉ có chị H ở quán, còn anh N¹ đi xem đá bóng ở Hòn Đá Bạc. Trong lúc uống cà phê, N thấy chị H lấy quần áo để đi tắm thì N nảy sinh ý định trộm tiền, nên đi đến kéo ngăn tủ đựng tiền ra định lấy tiền thì bị chị H đang đứng ở cửa nhà sau phát hiện la lên. N chạy đến dùng tay bịt miệng chị H thì bị chị H cắn vào tay và giằng co với N. N chụp khúc cây (cây dùng để đập nước đá) gần đó đánh nhiều cái vào đầu, vào người của chị H nhưng H vẫn không buông N ra. Lúc này N bỏ khúc cây xuống và lấy con dao (loại dao mũi bằng, cán gỗ) ở gần đó chém vào đầu, mặt của chị H làm chị H ngã xuống đất. N bỏ con dao mũi bằng xuống rồi chụp lấy con dao nhọn (loại dao Thái Lan) ở gần đó đâm vào người chị H làm chị H bất tỉnh thì N lấy 02 dây chuyền, 01 lắc đeo tay, tổng trọng lượng 13 chỉ vàng 18K đang đeo trên người chị H rồi chạy ra ao ngoài vườn cách đó khoảng 20 mét để gột rửa vết máu dính trên người và quần áo. Sau đó N bỏ lại đôi dép, đi theo đường ruộng đến nhà anh Võ Văn S cách đó khoảng 02 km thuê anh S chạy đò chở N đến chợ Nhà Máy A, xã Khánh Hưng, huyện T. Khi đến chợ, N mượn đôi dép của anh S để mang và đi đến một tiệm vàng bán số trang sức đã lấy của chị H.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, anh N¹ về đến nhà thì thấy chị H chết nên tri hô và báo chính quyền.

Bán vàng xong, N trả tiền đò cho anh S 50.000 đồng rồi đến tiệm của chị Y mua và thay quần áo mới tại tiệm, bỏ quần áo cũ vào bọc ni lông mang theo rồi đến tiệm chị P mua đôi dép da mang vào, bỏ lại đôi dép đã mượn của anh S tại tiệm, sau đó đến tiệm chị T¹ mua 01 nón kết, 01 dây nịt (thắt lưng) rồi thuê anh H¹ chạy honda ôm chở đến bến phà Rạch Ráng, thuê xe ôm khác chở đến thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi rồi thuê xe ôm khác chở đến nhà cô vợ là bà Ngô Hồng T² ở ấp 7, xã Tân Lộc, huyện T, tỉnh C để gặp vợ con N. Tại đây chị N² (vợ N) thấy tay N trầy xước thì N nói đánh nhau với người khác tại Đá Bạc nên bị thương. N ở đây cho đến khoảng 03 giờ ngày 31/8/2009 thì N cho chị N² 100.000 đồng, nói là đi tìm việc làm và nhờ bà T² thuê anh T³ chạy honda ôm chở N đến thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh B rồi đi tàu cao tốc đến Cần Thơ, sau đó đi tỉnh Bình Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế rồi đến thành phố P, tỉnh B sống lang thang, thay tên đổi họ thành Sơn L, sống chung như vợ chồng với chị Huỳnh Thị Thanh Bình và có 01 con chung sinh năm 2013.

Ngày 11/4/2019, khi đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại cơ sở điều trị ma túy tỉnh B thì N bị bắt theo Lệnh truy nã.

Bản Kết luận giám định pháp y tử thi số 338/GDPY/2009 ngày 31/8/2009 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh C thể hiện Trần Thị Ngọc H có các vết thương như sau:

1. Đầu:

+ Đỉnh đầu có 02 vết thương rách da, kích thước (4x2) cm và (7x2) cm, các vết thương có chung đặc điểm bờ mép sắc gọn, tụ máu ít, hở miệng.

+ Ổ thái dương đỉnh (P) có 03 vết thương rách da, bờ mép sắc gọn, hở miệng có kích thước (3x1) cm, (5x2) cm, (7x2) cm. Các vết thương này tụ máu ít.

+ Ổ thái dương đỉnh (T) có 05 vết thương rách da, bờ mép sắc gọn, hở miệng có kích thước (7x2) cm, (5x2) cm, (10x4) cm. Các vết thương này làm đứt đuôi tai (T) nơi đeo bông tai và (6x2) cm, (8x2) cm. Các vết thương này tụ máu ít.

+ Ổ cằm có 01 vết thương rách da (7x2) cm, bờ mép sắc gọn, vết thương hở miệng, tụ máu ít.

+ Ổ gáy (T) hướng vào đốt sống cổ có 01 vết thương khá lớn, kích thước (12x5) cm. Vết thương làm đứt cơ Thang và cơ cạnh đốt sống cổ - không làm tổn thương đốt sống cổ.

2. Vùng mặt:

+ Ổ trán (P) gần góc trong cung mày (P) có 01 vết thương rách da, kích thước (3x1) cm, bờ mép sắc gọn, tụ máu ít.

+ Ổ thái dương (P) có 01 vết thương bầm tím và sưng to, kích thước (6x7) cm, hai mắt sưng bầm tím, kích thước (4x4) cm, (4x4) cm.

+ Ổ gò má (P) có 01 vết thương rách da, kích thước (1x1) cm – tổn thương không sâu.

+ Ổ gò má (T) có 01 vết thương rách da, kích thước (2x1,5) cm – tổn thương không sâu.

+ Ổ môi (P) có 01 vết thương rách da, kích thước (1x0,5) cm, tụ máu ít – không làm gãy răng.

+ Ổ cằm (P) có 01 vết thương rách da, vết thương làm lật da, kích thước (3x2) cm – không làm tổn thương xương hàm.

+ Ổ cằm (T) có 01 vết thương rách da, lật da có hướng xuống dưới cổ, kích thước (7x3) cm – vết thương làm tổn thương lật mặt trên xương hàm dưới (T).

3. Cổ:

+ Ổ cổ (P) có 01 vết trầy bầm tím tụ máu, kích thước (7x1) cm và có 03 dấu ở gần hàm (P) dạng vòng cung.

+ Ổ trước cổ có 01 dấu trầy xước, dấu xước có hướng đi vuông góc với trục thẳng đứng của cổ, kích thước (8x2) cm.

+ Ổ sát hõm ức có 01 dấu trầy khá lớn và rõ, kích thước (10x3) cm bầm tím.

+ Ổ khớp ức đòn (T) có 01 vết rách da có hình nhọn 2 đầu – đầu dưới hơi khuyết làm thành một đầu hơi tù, kích thước (3x1) cm – vết thương hở miệng.

4. Bụng: Không có dấu vết chấn thương.

5. Ổ mỏm vai trước (T) có một vết thương rách da, kích thước (2x1) cm – vết thương không sâu.

Ổ mỏm vai sau (T) có một vết thương rách da lộ cơ, kích thước (3x1) cm – vết thương không làm tổn thương sâu.

6. Ở cẳng tay (T): Tại 1/3 giữa sau có một vết thương rách da hở miệng làm đứt đuôi thẳng tay, kích thước (4x2) cm – vết thương không làm tổn thương xương.

Ở mu bàn tay (T) có một vết thương làm đứt gân gấp các ngón III-IV, kích thước (2x1) cm.

Ở ổ mô cái (T) có một vết thương đứt da cơ, kích thước (6x1) cm vết thương làm đứt xương ngón I tay (T).

Ở 1/3 trên trước cánh tay (P) có một vết trầy bầm tím, kích thước (10x1) cm.

7. Lưng: Ở khoảng đốt sống lưng VI-VII-VIII có nhiều dấu bầm tím khó xác định nhưng ở đốt sống lưng số VII-VIII có một vết bầm tím có đặc điểm có hình dạng gần như chữ nhật một cạnh, kích thước (3,5x10) cm – nhưng cạnh dài 10 cm chỉ nổi rõ 06 cm, còn 04 cm mờ không rõ.

Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não hở/Đa chấn thương.

Biên bản xác định giá số 03/KL-HĐĐG ngày 17/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh C kết luận: Giá vàng 18K-750 thời điểm ngày 30/8/2009 trên địa bàn tỉnh C là 1.567.000 đồng/chỉ.

Vật chứng thu giữ gồm: Một ly thủy tinh và ống hút; Hai chiếc dép nhựa màu đen quai chéo; một đôi dép nam màu đen, quai ngang bằng da trên quai có 03 lỗ tròn thẳng hàng, đế nhựa; một lưỡi dao bằng kim loại màu trắng; một cán dao nhựa màu đen; một quyển tập học sinh; hai đoạn cây gỗ kích thước (13 x 3 x 3) cm và (31 x 3 x 3) cm; một chày gỗ (37 x 5 x 5) cm; một cây dao kích thước (22 x 8) cm có dính tóc; một ổ khóa bằng kim loại màu trắng và 04 chìa khóa; một mảnh nhựa màu đen kích thước (1,8 x 2,5) cm; một đoạn khung cửa gỗ nghi có dính đường vân tay; ba mảnh tol kim loại nghi có dính đường vân tay; một quần jean; một quần sọt jean; một quần sọt sọc đen – xanh – trắng; một áo sơ mi tay màu xám hơi đậm; một áo sơ mi trắng dài tay; một áo khoát; mẫu tóc và áo có dính máu.

Sau khi xảy ra vụ án, mẹ của bị cáo là bà Võ Thị L¹ đã tự nguyện bồi thường cho gia đình người bị hại 40.000.000 đồng.

Kết luận giám định gen (ADN) số 2471/C09B ngày 28/6/2019 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 105) xác định Sơn L (nghỉ tên thật là Trần Hữu N) là con ruột của bà Võ Thị L¹ và xác suất 99,99%.

Tại Bản cáo trạng số 30/CT-VKS-P1 ngày 21/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C đã truy tố Trần Hữu N về tội “*Giết người*” và tội “*Cướp tài sản*” theo các điểm e, n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2019/HS-ST ngày 26/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh C đã quyết định:

Căn cứ điểm e, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 53; điểm d khoản 1 Điều 55; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 591 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu N (Sơn L) phạm các tội “*Giết người*” và tội “*Cướp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu N tử hình về tội “*Giết người*” và 05 (năm) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí; trách nhiệm do chậm thi hành án; nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/01/2020, bị cáo Trần Hữu N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06/01/2020, anh Nguyễn Thanh N¹ là người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Hữu N khai nhận cái chết của chị H là do bị cáo gây ra, nhưng đề nghị xem xét bị cáo chỉ dùng khúc cây và con dao mũi bằng làm chị H chết chứ bị cáo không có dùng dao mũi nhọn đâm như Cáo trạng nêu; Bị cáo và chị H giằng co nên vàng của chị H đứt văng ra thì bị cáo lấy một sợi dây chuyền chứ bị cáo không có lấy của chị H đến 02 sợi dây chuyền và 01 tấm lắc. Vì bị cáo làm chị H chết và vàng của chị H bị mất, nên gia đình bị cáo mới đồng ý bồi thường toàn bộ số vàng 13 chỉ. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội làm người có ích cho xã hội, nuôi mẹ già và các con còn nhỏ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét bị cáo chỉ có ý định lấy trộm nhưng bị phát hiện nên bị cáo và chị H giằng co nhau, do chị H không buông bị cáo ra nên bị cáo dùng cây đánh, dùng dao chém chứ bị cáo không có ý định giết người từ trước. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tuy chỉ lấy 01 sợi dây chuyền nhưng bị cáo đã tác động gia đình bồi thường dân sự xong, cha mẹ bị cáo là người có công với nước, bà nội bị cáo là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được sống, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Cụ Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường tiền tổn thất tinh thần và không đồng ý giảm hình phạt cho bị cáo.

Bà Võ Thị L¹ xác định bị cáo tác động cho bà bồi thường xong cho gia đình người bị hại, bà không đòi bị cáo trả tiền lại, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xem xét đơn kháng cáo của bị cáo và đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm. Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “*Giết người*” và tội “*Cướp tài sản*” là có căn cứ, đã xử phạt bị cáo tử hình là tương xứng, nên đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Hữu N đảm bảo hình thức, trong hạn luật định, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm.

“Đơn xin giảm án” đề ngày 06/01/2020 của anh Nguyễn Văn N¹ (Nguyễn Thanh N¹) là một trong những người đại diện hợp pháp của người bị hại được nộp trong thời hạn, có nội dung xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên được xem là anh N¹ có kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm, cần phải được xem xét giải quyết chung trong vụ án. Anh Nguyễn Văn N¹ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự;

Theo quy định tại Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự thì ông Nguyễn Văn N² (cha chồng của người bị hại) và bà Võ Thị L¹ (mẹ của bị cáo) không thuộc đối tượng được quyền kháng cáo phần trách nhiệm hình sự của Bản án sơ thẩm, nên không có cơ sở để cấp phúc thẩm xem xét “Đơn xin giảm án” đề ngày 30/12/2019 của bà Võ Thị L¹ và “Đơn xin giảm án” đề ngày 06/01/2020 của ông Nguyễn Văn N².

Khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định mức hình phạt ngang bằng với khoản 1 Điều 93 và khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, nên Bản án sơ thẩm áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử là phù hợp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, kết luận giám định pháp y tử thi, kết luận giám định gen, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận vào ngày 30/8/2009, bị cáo định trộm tài sản thì bị chị H phát hiện nên bị cáo đã dùng cây đánh vào đầu, dùng dao chém chị H chết rồi bị cáo lấy nữ trang đang đeo trên người chị H, sau đó bỏ trốn. Bị cáo giết người mà ngay sau đó lại thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng. Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Trần Hữu N phạm tội “*Cướp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 168 và tội “*Giết người*” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 123 và Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Bị cáo giết người không phải do vô cớ hay là để giải quyết mâu thuẫn nhỏ nhặt, nên Bản án sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là không đúng. Tuy không có kháng cáo, kháng nghị phần này nhưng vì có lợi cho bị cáo nên theo quy định tại Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự thì Hội đồng xét xử vẫn phải xem xét.

Bị cáo thừa nhận cái chết của chị H là do bị cáo dùng cây đánh và dùng dao mũi bằng chém. Trong nhiều lời khai (bút lục 420 – 439) bị cáo thừa nhận sau khi bỏ con dao mũi bằng xuống thì bị cáo cầm lấy con dao mũi nhọn, tại hiện trường cũng có một lưỡi dao nhọn bị gãy cán (Bút lục 42) và biên bản nhận dạng bị cáo cũng xác định đúng loại dao nhọn (Bút lục 400), thương tích của chị H cũng thể hiện có vết thương phù hợp với hung khí là vật sắc nhọn nhưng vết thương này không phải là nguyên nhân dẫn đến cái chết của nạn nhân, kết luận giám định pháp y xác định nguyên nhân cái chết của chị H là do chấn thương sọ não hở/Đa chấn thương. Mặt khác, tuy bị cáo xác định chỉ lấy của chị H 01 dây chuyền 03 chỉ vàng chứ không lấy toàn bộ số vàng gồm 02 dây chuyền và 01 tấm lắc tổng trọng lượng 13 chỉ vàng, nhưng khi phát hiện chị H chết thì 02 dây chuyền và 01 tấm lắc chị H đeo trên người đã không còn và lời khai của người làm chứng là người chạy honda ôm chở bị cáo (bút lục 214, 215 ngày 03/9/2009) đã trực tiếp nhìn thấy bị cáo có nhiều bó tiền, tổng cộng khoảng 14 – 15 triệu đồng là phù hợp với giá trị số vàng 13 chỉ. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo yêu cầu xem xét về hung khí gây án và số tài sản bị cáo đã lấy của chị H.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng con người, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, ngoài nhiều vết bầm tím thì có đến 27 vết thương trên cơ thể chị Huyền, chứng tỏ sự đau đớn tột cùng về tinh thần và thể xác của nạn nhân, gây đau thương tang tóc cho gia đình người bị hại, làm ảnh hưởng rất xấu đến an ninh trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên phải xử phạt nghiêm. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm

b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là: Tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại; đã khai báo hành vi phạm tội, cha mẹ của bị cáo là người có công với nước. Tuy được loại trừ tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự và sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo đã thỏa thuận thực hiện việc bồi thường cho gia đình người bị hại, nhưng xét thấy bị cáo có quá trình nhân thân rất xấu, đã có tiền án chưa được xóa án tích lại phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương, thay đổi họ tên, dân tộc để trốn tránh, trong quá trình trốn tránh gần 20 năm bị cáo cũng không ăn năn hối cải, không chịu sửa chữa bản thân để trở thành người lương thiện mà lại tiếp tục phạm tội và trở thành đối tượng nghiện ngập bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, nên bị cáo đã không còn khả năng cải tạo, giáo dục được nữa, cần phải loại trừ vĩnh viễn ra khỏi đời sống xã hội mới đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, lời bào chữa của luật sư và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị hại bị xâm phạm về tính mạng nên việc người đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo không được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Cấp sơ thẩm đã có cân nhắc bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nhưng lại áp dụng khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự mà không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là không chính xác, nên điều chỉnh lại cho phù hợp;

Ngoài ra, cơ thể chị H có đến 27 vết thương và nhiều vết bầm tím, chứng tỏ bị cáo cố tình phạm tội đến cùng, nhưng cấp sơ thẩm lại không áp dụng điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là thiếu sót, nhưng do không có kháng cáo kháng nghị phần này nên không có căn cứ để cấp phúc thẩm bổ sung, mà kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét.

[4] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; về án phí sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự;
2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2019/HSST ngày 26/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh C về phần hình phạt như sau:

Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu N (Tên gọi khác: Sơn L) phạm tội “*Giết người*” và tội “*Cướp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu N (Tên gọi khác: Sơn L) tử hình về tội “*Giết người*”; 05 (năm) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là tử hình. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/4/2019.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Trần Hữu N (Tên gọi khác: Sơn L) được gửi đơn xin ân giảm đến Chủ tịch nước.

3. Bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; về án phí sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC
- Viện Trưởng VKSNDTC
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh C;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C;
- Công an tỉnh C, B;
- Sở Tư pháp tỉnh C, B;
- Cục THADS tỉnh C;
- Trại tạm giam Công an tỉnh C
(Trại tạm giam Công an tỉnh C tổng đạt cho bị cáo;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

